



ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỂM TÀI NGUYÊN DU LỊCH TỈNH VĨNH LONG VÀ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG KHAI THÁC

Phạm Xuân Hậu*

Trường Đại học Văn Hiến - TP Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 13-3-2018; ngày nhận bài sửa: 09-4-2018; ngày duyệt đăng: 24-5-2018

TÓM TẮT

Đánh giá, phân loại tài nguyên (TN) trong quá trình xây dựng định hướng khai thác TN phát triển sản phẩm và loại hình du lịch (DL) ở các địa phương và cả nước là mục tiêu quan trọng nhằm đáp ứng nhu cầu của du khách thời kỳ hội nhập. Bài viết trình bày một số kết quả đánh giá phân loại các điểm TN DL chính của tỉnh Vĩnh Long (theo thang điểm tổng hợp) dựa trên các tiêu chí xác định, làm cơ sở xây dựng định hướng khai thác tối đa những thuận lợi, phát triển DL phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh.

Từ khóa: đánh giá tài nguyên du lịch, phát triển điểm du lịch, du lịch Vĩnh Long.

ABSTRACT

Assessment of tourism resources of Vinh Long province and directions for exploitation

Assessment and classification of tourism resources in the process of building orientations for exploitation, developing tourism products and types in localities and the whole country is an important objective in order to meet tourists' needs in the period of association. The paper presents some results of the assessment and the classification of tourism resources of Vinh Long province (based on the composite score scale) based on defined criteria, which is the basis for the building directions for exploitation to maximize advantages and developing tourism in accordance with specific conditions of the province.

Keywords: tourism resource assessment, developing tourist attractions, Vinh Long tourism.

1. Đặt vấn đề

Nằm ở khu vực trung tâm vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), Vĩnh Long là tỉnh không có lợi thế về TN DL biển, nhưng có nhiều thế mạnh về TN phát triển DL nhân văn. Các hệ sinh thái, cảnh quan nhân tạo gắn với truyền thống của cộng đồng dân tộc trong tỉnh tạo nên những điểm DL hấp dẫn. Với đặc điểm địa hình đồng bằng được bao quanh bởi 2 sông lớn (Tiền Giang và Hậu Giang) cùng những cù lao; đất phù sa màu mỡ, được bồi đắp thường xuyên; điều kiện khí hậu nhiệt đới cận xích đạo, các yếu tố khí hậu tương đối ổn định đã hình thành những cảnh quan sông nước, hệ sinh thái nông nghiệp, gắn với truyền thống sản xuất, văn hóa của cộng đồng dân tộc, tạo sức hút mạnh mẽ đối với du khách trong và ngoài nước. Một số cảnh quan điển hình được khai thác để phục vụ DL đã thu hút lượng khách DL đáng kể. Năm 2017, Vĩnh Long đã đón 1,25 triệu lượt

* Email: haupx@ier.edu.vn

khách, tăng 8% so với 2016; trong đó, khách quốc tế là 73 nghìn người. Tuy nhiên, việc khai thác TN phát triển DL còn diễn ra chậm, mang tính tự phát, cá thể, thiếu quy hoạch đồng bộ. Sản phẩm DL đơn điệu, chất lượng thấp, chỉ tập trung vào một số điểm TN để khai thác. Đặc biệt là thiếu việc đánh giá phân loại TN nên thực hiện đầu tư khai thác tại các điểm chưa hợp lí. Mặt khác, quá trình khai thác phát triển DL còn biểu hiện sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các đơn vị, cá thể. Quá trình khai thác ít chú đến kế hoạch chiến lược về bảo tồn, bảo vệ môi trường sinh thái làm cho nhiều điểm TN suy thoái, xuống cấp nghiêm trọng, hiệu quả khai thác thấp nên vị thế của ngành DL trong cơ cấu kinh tế không được đánh giá cao. Vì vậy, việc phân tích, đánh giá các điểm TN là công việc hết sức cần thiết. Thông qua kết quả đánh giá những mặt mạnh, yếu của mỗi điểm TN, bài viết đề xuất những định hướng và giải pháp khai thác hợp lí, đúng với ưu thế, mang đến hiệu quả cao, đồng thời phát triển bền vững DL nói riêng và kinh tế - xã hội tỉnh nói chung.

2. Quan điểm, phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Quan điểm: Xuyên suốt trong nghiên cứu vấn đề là quan điểm sinh thái, tổng hợp và lãnh thổ. Vận dụng các quan điểm này để nhìn nhận về một hệ sinh thái tổng hợp đang tồn tại và phát triển dưới tác động của con người trong bối cảnh đối tượng đang bị khai thác sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau. Qua đó, ở mỗi không gian lãnh thổ cần có sự nhìn nhận, đánh giá, khai thác sử dụng hợp lí, hiệu quả cho lãnh thổ của mình, nhưng không được tách khỏi tổng thể.

Phương pháp tiếp cận: Vấn đề nghiên cứu theo hướng tiếp cận các nghiên cứu về đánh giá các điểm TN và các điểm DL đã được thực hiện ở các địa phương trong và ngoài nước; đặc biệt là những địa phương có ngành DL phát triển mạnh, được xác định là ngành mũi nhọn như: Đà Nẵng, Thành phố (TP) Hồ Chí Minh, Hà Nội, Phú Quốc (Kiên Giang)... Tiếp cận đối tượng là các điểm TN DL của địa phương (tỉnh Vĩnh Long) đã và đang được khai thác phục vụ DL cùng những điểm TN tiềm năng hiện chưa khai thác.

Phương pháp nghiên cứu: Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu đặc trưng như khảo sát thực địa, điều tra xã hội học (phiếu hỏi, phỏng vấn...). Thực hiện phân tích đánh giá theo thang điểm tổng hợp, phân loại, sắp xếp theo cấp bậc và mức độ thuận lợi về từng mặt của mỗi điểm TN làm cơ sở để xây dựng định hướng và phát triển theo các kế hoạch trước mắt và lâu dài.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Tổng quan về tỉnh Vĩnh Long

Vĩnh Long là tỉnh nằm ở vị trí trung tâm của vùng ĐBSCL, tọa độ địa lí từ 9°52'45" – 10°19'50" vĩ độ Bắc và từ 105°13'38" – 105°50'35" kinh độ Đông. Phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Tiền Giang và Bến Tre; phía Đông và Đông Nam giáp tỉnh Trà Vinh; phía Tây và Tây Nam giáp thành phố Cần Thơ, Hậu Giang và Sóc Trăng; phía Tây Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp. Tỉnh Vĩnh Long nằm ở vị trí là cầu nối hai trung tâm kinh tế, tài chính, văn hóa, khoa học kỹ thuật và DL lớn của khu vực và cả nước là TP Hồ Chí Minh và TP Cần Thơ.

Dân số toàn tỉnh năm 2015 là 1.092.730 người (dân số thành thị chiếm 20,63%), mật độ dân số 740 người/km², đứng hàng thứ 2 ở vùng ĐBSCL sau TP Cần Thơ. Tỷ lệ gia tăng dân số từ 1-1,1% (2011-2015), 0,8-0,9% (2016-2020); tỷ lệ hộ nghèo bình quân 1,5%-2% (2015); số học sinh đến trường trong độ tuổi mẫu giáo là 80%, tiểu học 100%, trung học cơ sở 98%, trung học phổ thông 63%. Đến 2020, phấn đấu tăng lên với các tỷ lệ tương ứng là 90%, 100%, 85%. Các dân tộc sinh sống ở tỉnh có người Việt, người Hoa, người Chăm, người Khmer.

Về kinh tế, Vĩnh Long đã có bước phát triển khá ổn định trên tất cả các khu vực, mức tăng trưởng kinh tế bình quân có năm có lĩnh vực cao hơn so với cả nước. Năm 2011-2012, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của tỉnh trên 10%, phấn đấu tăng lên 14,5% giai đoạn 2016-2020; trong đó ngành khách sạn - nhà hàng tăng 10,11%; DL lữ hành tăng 28,74%. Năng lực cạnh tranh xếp hạng thứ 6/63 TP, tỉnh thành trong cả nước (năm 2016), tăng 13 bậc so với năm 2015; đứng thứ 2 trong 13 tỉnh, TP thuộc ĐBSCL.

Về môi trường, năm 2015 có 100% dân thành thị và 60% dân nông thôn được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước sạch. Phấn đấu đến năm 2020 có 90% dân nông thôn được sử dụng nước sạch; 100% trường học được cung cấp đầy đủ nước sinh hoạt; 100% cơ sở sản xuất công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải.

Về tiềm năng tự nhiên, với đặc điểm địa hình, khí hậu – thủy văn điều hòa; TN nhân văn khá phong phú, nổi bật là các di tích lịch sử, văn hóa đã tạo cho tỉnh nhiều thuận lợi để khai thác phát triển kinh tế nói chung và DL nói riêng.

3.2. Xác định đối tượng và các tiêu chí đánh giá

3.2.1. Xác định các điểm TN để đánh giá

Nghiên cứu lựa chọn các điểm TN chính đang khai thác phát triển các điểm DL với quy mô và loại hình DL khác nhau, thuộc các lãnh thổ địa phương trong tỉnh để đánh giá, làm cơ sở xác định lại mức độ đầu tư khai thác hợp lý, hiệu quả, gồm 15 điểm: (1) Điểm sinh thái Mai Vàng, nằm bên bờ sông Cổ Chiên, cách trung tâm TP Vĩnh Long khoảng 4km, thuộc ấp Phước Định 1, xã Bình Hòa Phước, huyện Long Hồ, với hệ sinh thái nông nghiệp vườn cây ăn trái bốn mùa và những vườn hoa kiểng tuyệt đẹp có sức thu hút du khách lớn. (2) Khu sinh thái trang trại Vinh Sang nằm ở đầu cù lao An Bình thuộc ấp An Thuận, xã An Bình, huyện Long Hồ. Cảnh quan nơi này giống như một khu vườn tự nhiên rộng lớn, có hệ thống kênh rạch liên thông nhau, cùng vườn trái cây với nhiều loại cây ăn trái, khu vực nuôi cá sấu, đà điểu... tạo nên không gian kì thú, hấp dẫn. (3) Điểm sinh thái Sáu Giáo thuộc ấp Bình Thuận, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ. Đây là một trong những điểm sinh thái tiêu biểu, có sức hấp dẫn cao từ các vườn cây cảnh với hàng trăm loại như mai vàng, mai chiếu thủy, lài, hoa lan...; lại được bao quanh bởi những vườn cây ăn trái như nhãn, bưởi, chôm chôm và các khu nuôi, bảo tồn động vật quý hiếm: trăn, rắn, rùa... (4) Điểm sinh thái Mai Quốc Nam, tọa lạc tại ấp Phú An 1, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, với hệ sinh thái các vườn cây ăn quả điển hình của ĐBSCL tại hai điểm Mai Quốc Nam 1 và Mai Quốc Nam 2 đang mở ra hướng phát triển mạnh trong tương lai. (5) Điểm sinh thái Cai Cường, tại ấp Bình Hòa 1, xã Bình Hòa Phước, huyện Long Hồ, là một trong những

điểm sinh thái quần cư nông thôn với các ngôi nhà cổ Nam Bộ, các nông cụ sản xuất và mô hình trồng lúa nước gắn với văn hóa đặc trưng của ĐBSCL. **(6)** Điểm sinh thái Mười Hương, thuộc ấp Bình Hòa 2, xã Bình Hòa Phước, huyện Long Hồ, với các vườn cây ăn trái đặc sản, vườn kiểng bonsai độc đáo, xen lẫn là không gian cư trú với những ngôi nhà được xây dựng gắn với đời sống tập quán sản xuất nông nghiệp khá hấp dẫn. **(7)** Khu tưởng niệm Cố Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Hùng (Khu tưởng niệm Phạm Hùng), được Bộ Văn hóa, Thể thao và DL (VH-TT&DL) ra Quyết định số 2133/QĐ – BVHTTDL ngày 06 tháng 6 năm 2012 công nhận là di tích văn hóa cấp quốc gia, tọa lạc tại ấp Long Thuận A, xã Long Phước, huyện Long Hồ, được xây dựng năm 2000 và đưa vào sử dụng từ năm 2004, gồm nhà tưởng niệm, phòng biệt giam khi ông bị địch bắt đưa đi tù tại Côn Đảo, ngôi nhà làm việc tại khu căn cứ Trung ương Cục miền Nam và phòng làm việc tại số 72 Phan Đình Phùng (Hà Nội), là điểm DL văn hóa-lịch sử đã và đang có sức thu hút du khách. **(8)** Khu sinh thái Trường An nằm cạnh sông Tiền, gần Cầu Mỹ Thuận, thuộc ấp Tân Thuận An, xã Tân Ngãi, cách trung tâm TP khoảng 4km. Điểm có vị trí thuận lợi là cửa ngõ liên thông với các tỉnh ĐBSCL; có cảnh quan cây trái quanh năm xanh tốt, không khí trong lành, được đánh giá là một trong những điểm có khả năng phát triển DL quy mô lớn và sức thu hút du khách mạnh của ĐBSCL. **(9)** Văn Thánh Miếu là di tích văn hóa cấp quốc gia (Bộ Văn hóa – Thông tin (VH-TT) công nhận theo Quyết định số 0557 – QĐ ngày 25/3/1991) nằm cạnh bờ sông Long Hồ, phường 4, TP Vĩnh Long. Văn Thánh Miếu được xây dựng từ năm 1864, là một trong ba Văn Thánh Miếu của vùng đất Nam Bộ (Văn Thánh Miếu ở Biên Hòa, Gia Định và Vĩnh Long) mang đậm nét văn hóa cộng đồng của người xưa. Nơi đây lưu giữ những truyền thuyết về các quan đại thần thời phong kiến ở vùng đất Long Hồ xưa và thờ Văn Xương Đế Quân – vị tinh quân chủ quản việc thi cử học hành và thờ Khâm sai Kinh lược sứ Phan Thanh Giản - vị tiến sĩ đầu tiên của đất Nam Bộ. Hàng năm vào dịp 15/01 âm lịch, tại đây có tổ chức đêm lễ hội Tết Nguyên tiêu cho nhân dân trong vùng tạo sự chú ý của du khách thập phương. **(10)** Thánh tịnh Ngọc Sơn Quang (xây dựng năm 1928), tọa lạc cạnh bờ sông Rạch Bàu Thiêng, thuộc ấp Tân Thiêng, xã Tân An Hội, huyện Mang Thít, được công nhận là di tích lịch sử cách mạng cấp Quốc gia (Bộ VH-TT, Quyết định số 1811/QĐ/BVHTT ngày 31/8/1998). Tại đây (năm 1954), chi bộ Đảng của thánh tịnh Ngọc Sơn Quang ra đời, chỉ đạo hoạt động cách mạng của thánh tịnh. Trong giai đoạn chống Mỹ cứu nước, nhiều hoạt động cách mạng diễn ra với đỉnh cao của phong trào đấu tranh là sự kiện thánh tịnh Ngọc Sơn Quang dựng đài Ngưỡng Thiên – tổ chức lễ cầu nguyện Hòa Bình (từ 12-16/11/1970) đã biến thành diễn đàn chống xâm lược Mỹ và khẳng định Việt Nam nhất định sẽ hòa bình độc lập. Hàng năm (đến ngày 14, 15/11 âm lịch), tại đây tổ chức trọng thể kỉ niệm lễ cầu nguyện Hòa Bình. **(11)** Khu tưởng niệm Cố Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt (Khu tưởng niệm Võ Văn Kiệt), tọa lạc tại thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm với diện tích 1,7ha, (khởi công xây dựng ngày 06/9/2010 và khánh thành ngày 23/11/2012), là điểm đến có sức thu hút mạnh đối với khách DL cả trong và ngoài nước. **(12)** Lăng Ông Tiền quân Thống chế Điều Bát là di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia (Bộ VH-TT công nhận, QĐ 310/QĐ ngày 13/02/1996). Lăng được xây dựng

năm 1820 tại xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn. Lăng thờ quan Tiền quân Thống chế Điều Bát Nguyễn Văn Tồn (1763 – 1820) và phu nhân cùng các danh nhân Tả quân Lê Văn Duyệt, Bình Tây Tướng quân Trương Định, Bình Tây Phó tướng Nguyễn An. Là điểm hoạt động tâm linh với các lễ hội cúng giỗ ông, giỗ bà, giỗ Tiền Hiền và Hậu Hiền... của người Việt, Hoa, Khmer ở vùng lân cận, đặc biệt là vào các ngày tết cổ truyền. **(13)** Khu di tích lịch sử cách mạng Cái Ngang tọa lạc tại ấp 4, xã Phú Lộc, huyện Tam Bình (xây dựng 23/10/2002, khánh thành 09/8/2003) với diện tích 5,2ha. Nơi đây còn lưu lại những hiện vật và hình ảnh căn cứ địa của Tỉnh ủy, quân và dân tỉnh Vĩnh Long trong thời kháng chiến chống Mỹ cứu nước; được coi là di tích lịch sử đang có sức thu hút khách DL trong và ngoài nước. **(14)** Chùa Đông Phước tọa lạc tại ấp Đông Thuận, xã Đông Bình, thị xã Bình Minh, là di tích lịch sử - văn hóa cấp Tỉnh (UBND tỉnh công nhận theo Quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 02/11/2009) là ngôi chùa mang kiến trúc Việt – Pháp độc đáo (được xây dựng cuối thế kỉ XIX), là điểm đến có sức thu hút du khách tham gia các hoạt động tâm linh. **(15)** Đình Tân Quới là di tích lịch sử – văn hóa cấp Tỉnh (UBND tỉnh công nhận ngày 14/3/2008), là công trình kiến trúc theo kiểu đình làng Nam Bộ truyền thống. Đây là một trong những nơi hoạt động tâm linh mang màu sắc Nam Bộ khá thu hút đối với du khách trong và ngoài nước.

3.2.2. Các tiêu chí đánh giá

Các tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá nhằm xác định khả năng khai thác các điều kiện phát triển điểm DL (các loại hình DL và quy mô). Mỗi tiêu chí đánh giá theo chỉ tiêu 4 bậc với thang điểm tương ứng là 4, 3, 2, 1 (xem Bảng 1).

Bảng 1. Các tiêu chí, thang điểm và chỉ tiêu đánh giá

STT	Tiêu chí	Mức độ	Thang điểm	Chỉ tiêu – diễn giải
01	Vị trí điểm DL	- Rất gần	4	- Khoảng cách từ 10 -100km, thời gian đi ít hơn 3 giờ, có thể đi bằng 2- 3 loại phương tiện thông dụng
		- Khá gần	3	- Khoảng cách từ 100-200km, thời gian đi ít hơn 5 giờ, có thể đi bằng 2-3 loại phương tiện thông dụng
		- Trung bình	2	- Khoảng cách từ 200-500km, thời gian đi ít hơn 12 giờ, có thể đi bằng 1-2 loại phương tiện thông dụng
		- Xa	1	- Khoảng cách trên 500km, thời gian đi lớn hơn 12 giờ, có thể đi bằng 1-2 loại phương tiện thông dụng
02	Độ hấp dẫn	- Rất hấp dẫn	4	- Có >5 phong cảnh đẹp, đa dạng hoặc >5 hiện tượng tự nhiên đặc biệt; có công trình văn hóa và di tích lịch sử đặc sắc, đáp ứng phát triển >5 loại hình DL
		- Khá hấp dẫn	3	- Có 3-5 phong cảnh đẹp, hoặc 3-5 hiện tượng, di tích tự nhiên đặc biệt; có công trình văn hóa và di tích lịch sử đặc sắc, độc đáo đáp ứng phát triển từ 3- 5 loại hình DL
		- Trung bình	2	- Có 1-2 phong cảnh đẹp hoặc 1-2 hiện tượng tự nhiên đặc biệt; có công trình văn hóa và di tích lịch sử có tính nghệ thuật đáp ứng phát triển từ 1 – 2 loại hình DL
		- Kém hấp dẫn	1	- Phong cảnh đơn điệu hoặc công trình văn hóa, di tích lịch sử có ý nghĩa địa phương, có thể khai thác phát triển 1 loại hình

		DL		
03	CSH T CSV C-KT phục vụ DL	- Rất tốt	4	<p>- Có cơ sở hạ tầng (CSHT), cơ sở vật chất và kỹ thuật (CSVK-KT) phục vụ DL đồng bộ, đầy đủ tiện nghi, đạt tiêu chuẩn quốc tế</p> <p>- Có một số CSHT, CSVK-KT DL tương đối đồng bộ, đủ tiện nghi, đạt tiêu chuẩn quốc gia</p> <p>- Có một số CSHT, CSVK-KT DL nhưng chưa đồng bộ, chưa đầy đủ tiện nghi</p> <p>- Còn thiếu nhiều CSHT, CSVK-KT DL, nếu có thì chất lượng còn thấp và có tính chất tạm thời</p>
		- Khá tốt	3	
		- Trung bình	2	
		- Kém	1	
04	Sức chứa khác h DL	- Rất lớn	4	<p>- Có khả năng tiếp nhận trên 1000 người/ngày, trên 250 người/lượt tham quan, với điểm TN tự nhiên (TNTN) và 500 người/ngày và 100 người/lượt tham quan (với TN nhân văn - TNNV)</p> <p>- Có thể tiếp đón 500-900 người/ngày, từ 150-250 người/lượt tham quan với điểm TNTN; 300-500 người/ngày và 50-100 người/lượt tham quan đối với TNNV</p> <p>- Có sức chứa 100-500 người/ngày, từ 50-150 người/lượt tham quan đối với điểm tài TNTN, con số tương ứng là 100-300 người/ngày với TNNV</p> <p>- Có sức chứa dưới 100 người/ngày, dưới 50 người/lượt tham quan đối với điểm TNTN. Với điểm TNNV, con số tương ứng là dưới 100 người/ngày</p>
		- Khá lớn	3	
		- Trung bình	2	
		- Kém	1	
05	Độ bền vững của TN	- Rất bền vững	4	<p>- Không có thành phần hoặc bộ phận TN nào bị phá hoại; công trình văn hóa, lịch sử (VH, LS) được bảo tồn tốt. TN có khả năng tồn tại vững chắc >100 năm, hoạt động DL diễn ra liên tục</p> <p>- Có từ 1-2 thành phần hoặc bộ phận TN bị phá hoại nhưng ở mức độ không đáng kể. Có công trình VH, LS bị phá hoại, song vẫn có khả năng sửa chữa nhanh. TN có khả năng tồn tại vững chắc từ 50-100 năm, hoạt động DL diễn ra thường xuyên</p> <p>- Có từ 1-2 thành phần hoặc bộ phận TN bị phá hoại đáng kể, phải có sự hỗ trợ tích cực của con người mới phục hồi nhanh được; công trình VH, LS có bị phá hoại tương đối nhưng có khả năng sửa chữa và tôn tạo lại nhưng chậm. TN có khả năng tồn tại vững chắc từ 10 -50 năm, hoạt động DL có thể bị hạn chế</p> <p>- Có từ 2 – 3 thành phần hoặc bộ phận TN bị phá hoại nặng, phải có sự hỗ trợ tích cực của con người mới có thể phục hồi nhưng rất chậm; công trình VH, LS bị phá hoại nặng, khả năng phục hồi kém. TN có khả năng tồn tại vững chắc dưới 10 năm, hoạt động DL bị gián đoạn</p>
		- Khá bền vững	3	
		- Trung bình	2	
		- Kém bền vững	1	
06	Thời gian hoạt động DL	- Rất dài	4	<p>- Có trên 200 ngày/năm có thể triển khai tốt các hoạt động DL và trên 180 ngày/năm có điều kiện khí hậu thích hợp nhất đối với sức khỏe con người</p> <p>- Có 150-200 ngày trong năm có thể triển khai tốt các hoạt động DL và 120-180 ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích</p>
		- Khá dài	3	

	- Trung bình	2	hợp nhất đối với sức khỏe con người - Có 100-150 ngày trong năm có thể triển khai tốt các hoạt động DL và 90-120 ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích hợp nhất đối với sức khỏe con người
	- Kém	1	- Có dưới 100 ngày trong năm có thể triển khai tốt các hoạt động DL và dưới 90 ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích hợp nhất đối với sức khỏe con người
07	- Rất an toàn		- Môi trường sinh thái ổn định, không còn xảy ra hiện tượng trộm cắp, cướp giật, quấy nhiễu, đánh nhau
	- Khá an toàn		- Đảm bảo môi trường, an ninh và an toàn cho khách trong thời gian lưu trú và thưởng thức sử dụng sản phẩm DL
	- An toàn		- Không để xảy ra mất an ninh, rất ít trường hợp bán hàng rong, quấy nhiễu, trộm cắp
	- Kém an toàn, an ninh		- Môi trường còn ô nhiễm, an ninh hạn chế, còn tồn tại nhiều nạn trộm cắp, ăn xin, buôn bán chèo kéo du khách

3.2.3. Xác định trọng số và điểm cho các các tiêu chí

Dựa vào vai trò, tầm quan trọng của mỗi tiêu chí, xác định các trọng số cho mỗi tiêu chí theo các hệ số: 3, 2, 1 và mức điểm thích hợp cho các tiêu chí là: 4, 3, 2, 1. Việc đánh giá điểm TN, thực hiện theo các bậc và hệ số của các chỉ tiêu (xem Bảng 2).

Bảng 2. Thang điểm đánh giá tổng hợp các TN điểm DL

STT	Tiêu chí	Hệ số	Bậc số			
			4	3	2	1
1	Độ hấp dẫn	3	12	9	6	3
2	CSHT và CSVCKT	3	12	9	6	3
3	Độ bền vững của TN	3	12	9	6	3
4	Vị trí của điểm DL	2	8	6	4	2
5	Sức chứa khách DL	2	8	6	4	2
6	Tính an toàn và an ninh	2	8	6	4	2
7	Thời gian hoạt động DL	1	4	3	2	1
	Điểm tổng hợp	16	64	48	32	16

Theo thang đánh giá này thì điểm DL có điểm cao nhất là 64 và thấp nhất là 16. Vì thế, xác định được mức độ thuận lợi các điểm DL như sau:

- Điểm DL rất thuận lợi (loại I): 52 – 64 điểm (81 – 100%);
- Điểm DL khá thuận lợi (loại II): 40 – 51 điểm (63 – 80%);
- Điểm DL thuận lợi (loại III): 28 – 39 điểm (44 – 61%);
- Điểm DL kém thuận lợi (loại IV): 16 – 27 điểm (25 – 42%).

3.3. Kết quả đánh giá các điểm TN (các điểm trong mục 3.2.1)

Bảng 2. Kết quả đánh giá tổng hợp các điểm TN DL ở tỉnh Vĩnh Long

S T T	Điểm DL	Điểm thành phần							Điểm tổng hợp	Xếp loại
		Độ hấp dẫn	CSHT & CSVC KT	Độ bền vững	Vị trí của điểm DL	Sức chứa khách DL	An toàn, an ninh	Thời gian hoạt động DL		
1	Điểm: 1	9	9	6	6	4	2	4	40	II
2	Điểm: 2	12	12	9	6	6	8	4	57	I
3	Điểm: 3	6	9	3	6	4	6	4	38	III
4	Điểm: 4	9	9	6	6	4	6	4	44	II
5	Điểm: 5	9	9	9	6	4	6	4	47	II
6	Điểm: 6	6	9	6	6	4	4	4	39	III
7	Điểm: 7	9	12	9	8	8	6	4	56	I
8	Điểm: 8	12	12	9	8	8	8	4	61	I
9	Điểm: 9	9	9	9	8	8	4	4	51	II
10	Điểm: 10	6	9	9	6	8	2	4	44	II
11	Điểm: 11	9	9	9	8	8	6	4	53	I
12	Điểm: 12	9	9	9	6	8	2	4	47	II
13	Điểm: 13	9	9	9	6	8	6	4	51	II
14	Điểm: 14	6	9	9	8	8	2	4	46	II
15	Điểm: 15	6	9	6	8	8	2	4	43	II

Nguồn: Đánh giá của tác giả, 2016

Kết quả đánh giá xếp hạng (Bảng 2) đã cho thấy bức tranh chung của các điểm TN DL Vĩnh Long như sau:

- Độ hấp dẫn của đa số các điểm TN không cao, số lượng các điểm được đánh giá xếp hạng cao (loại 1) không nhiều, chỉ có 4/15 điểm (chiếm 26,6%), chưa có điểm DL nào đạt điểm tối đa (64 điểm). Các điểm DL được xếp loại II chiếm tỉ lệ cao 9/15 điểm (60%); xếp loại III: 2 (13,3%). Một số điểm có độ hấp dẫn thấp (điểm số 3, 6, 10, 14, 15) nhưng đã tiến hành một số hoạt động DL với chất lượng thấp làm ảnh hưởng đến tâm lí du khách, gây ảnh hưởng không tốt đến các điểm DL khác ngay cả khi họ chưa tới.

- CSHT-VCKT có rất ít các điểm được đánh giá cao. Một số điểm được đánh giá cao, 3 điểm (điểm số 2, 7, 8) là những điểm có khoảng cách gần, có hệ thống công trình giao thông quốc gia, hoặc được ưu tiên đầu tư xây dựng các cơ sở kinh doanh lưu trú, khu vui chơi giải trí. Hầu hết các điểm, hệ thống giao thông nội bộ, VCKT năng lực hoạt động kém vì chất lượng chưa đảm bảo các yêu cầu của DL như: nhanh chóng, kịp thời, an toàn cho môi trường sinh hoạt.

- Về thời gian hoạt động DL có nhiều ưu thế bởi tính đồng nhất tương đối và ổn định về các yếu tố khí hậu, hệ sinh thái tự nhiên; phạm vi không gian lãnh thổ không lớn, địa hình khá bằng phẳng; khả năng kết nối vùng phụ cận thuận lợi.

- Vị trí các điểm hiện tại với việc kết nối mạng giao thông nội bộ (cả hệ thống đường và phương tiện vận chuyển) còn hạn chế, chưa thể đáp ứng nhu cầu phát triển (cù lao nằm cách biệt với trung tâm, phương tiện đi lại thô sơ, chủ yếu là thuyền, xe máy, phà...); việc liên kết các điểm để phát triển các tuyến DL nội bộ, liên vùng và ngoài vùng còn khó khăn.

- Khả năng thu hút khách DL tại hầu hết các điểm đến còn rất hạn chế (đặc biệt là với khách quốc tế). Mặc dù năm 2017 Vĩnh Long đã đón 1,25 triệu lượt khách, tăng 8% so với 2016; trong đó khách quốc tế là 73 nghìn người, nhưng chưa thực sự tương xứng so với tiềm năng của tỉnh. Nguyên nhân chính là do sự xuống cấp về độ hấp dẫn của TN; sản phẩm DL đơn điệu; chưa có những điểm nhấn về sản phẩm DL đặc thù; hệ thống CSHT, CSVCKT phục vụ còn lạc hậu; môi trường sinh thái thiếu bền vững; độ an toàn, an ninh cho du khách khi lưu lại và sử dụng sản phẩm còn hạn chế do chất lượng các dịch vụ chưa đáp ứng đầy đủ, kịp thời...

4. Định hướng khai thác tài nguyên phát triển du lịch tỉnh Vĩnh Long

Từ kết quả nghiên cứu nêu trên, bài viết đưa ra những định hướng chung và định hướng cụ thể trong việc khai thác TN phát triển DL tỉnh Vĩnh Long như sau:

4.1. Định hướng chung

- Xác định vị thế của DL tỉnh Vĩnh Long phải là trung tâm của ĐBSCL với vai trò trung chuyển, hạt nhân liên kết trong toàn vùng và vị thế hạt nhân trong cơ cấu kinh tế - xã hội tỉnh; DL phải là ngành kinh tế mũi nhọn để tập trung nhân lực, vật lực và các chính sách hợp lý cho phát triển.

- Lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội nói chung và ngành DL nói riêng. Tiến hành thống kê các điểm TN đã, đang và sẽ có khả năng khai thác phát triển DL trên địa bàn toàn tỉnh (theo kết quả đánh giá trên), phân tích sâu thêm về những lợi thế so sánh về các mặt cùng hạn chế từng điểm (vị trí địa lý, độ hấp dẫn, quy mô, khả năng tạo sản phẩm, khả năng liên kết...) làm cơ sở nền tảng điều chỉnh các hạng mục theo các tiêu chí để đầu tư phát triển cho phù hợp với điều kiện cụ thể hiện tại và các giai đoạn tiếp theo.

- Triển khai thực hiện một số dự án, nghiên cứu nhằm đa dạng hóa, lựa chọn phát triển sản phẩm DL đặc thù trên tiềm năng đặc thù tại các điểm, các địa phương. Nâng cao chất lượng, hiệu quả những sản phẩm hiện có, khôi phục sản phẩm truyền thống địa phương (văn hóa, ẩm thực, nghề thủ công...); xây dựng hệ thống dịch vụ tư vấn giới thiệu, quảng bá sản phẩm DL địa phương và kết nối vùng phụ cận; duy trì tốt về mẫu mã, vệ sinh an toàn thực phẩm, tạo ấn tượng và niềm tin cho du khách tại các điểm DL.

- Triển khai kịp thời xây dựng các mô hình khai thác hiệu quả TN, phát triển các loại hình DL cho từng điểm và toàn tỉnh, như:

- + Mô hình DL sinh thái - văn hóa - thể thao trên tuyến sông Tiền và sông Hậu;
- + Mô hình DL cộng đồng ở cù lao An Bình;
- + Mô hình DL lịch sử - văn hóa - tâm linh;
- + Mô hình DL nông nghiệp.

- Xây dựng hoàn thiện sớm nhất có thể các phương án và kế hoạch, hiện đại hóa hệ thống CSHT-VCKT, trước hết là các đầu mối và hệ thống giao thông huyết mạch (đường bộ, đường thủy) nội tỉnh và liên tỉnh với các phương tiện vận chuyển chất lượng cao, đảm bảo các tiêu chí nhanh chóng, an toàn mọi lúc mọi nơi. Đầu tư nhân lực, vật lực; phát triển nhanh mạng lưới cung cấp điện, nước, thông tin liên lạc đảm bảo đầy đủ, kịp thời cho các hoạt động DL. Phát triển hợp lý về số lượng, đồng bộ về chất lượng các hình thức lưu trú cho các loại hình DL và các dịch vụ vui chơi giải trí, văn hóa thể thao, đáp ứng nhu cầu các đối tượng du khách.

- Thực hiện nhanh các nhiệm vụ mục tiêu bổ sung nguồn nhân lực DL chuyên nghiệp, chất lượng cao. Ngành DL cần có kế hoạch cụ thể, tiến hành quy hoạch đội ngũ, liên kết với các cơ sở đào tạo mở các lớp bồi dưỡng sâu cho các đối tượng về chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực quản lý các cấp; bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho đội ngũ lao động trực tiếp, người dân địa phương có tham gia hoạt động dịch vụ cá nhân tại các điểm DL, để có thể đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của khu DL.

- Đẩy nhanh tiến độ liên kết vùng (từng lĩnh vực và toàn diện) giữa các điểm được khai thác phát triển DL trong tỉnh với nhau và với các điểm thuộc các tỉnh lân cận; giữa điểm DL với các doanh nghiệp kinh doanh DL trên quan điểm các bên cùng có lợi và đảm bảo phát triển bền vững. Hàng năm, ngành DL cần tổ chức thường xuyên các hội nghị kêu gọi hợp tác đầu tư, có kế hoạch chi tiết ký kết với các doanh nghiệp kinh doanh DL, các nhà đầu tư, các địa phương lân cận như Bến Tre, Đồng Tháp, Trà Vinh, Cần Thơ và với các tỉnh Nam Bộ, cả nước và nước ngoài về khai thác TN phát triển DL và cung ứng nguồn khách. Đặc biệt chú ý về cam kết giữa cơ sở kinh doanh DL với các doanh nghiệp lữ hành trong và ngoài tỉnh; giữa doanh nghiệp kinh doanh DL với chính quyền và dân cư địa phương đang tham gia quản lý TN DL.

- Giáo dục nâng cao nhận thức, xác định đúng vai trò, trách nhiệm của cấp quản lý hành chính, quản lý ngành và cộng đồng dân cư địa phương, để cùng chung tay quản lý, khai thác tối đa các thế mạnh tiềm năng tự nhiên và văn hóa của cộng đồng dân cư nhằm phát triển DL thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Thực hiện có hiệu quả việc bảo vệ môi trường, bảo tồn và tôn tạo TN đảm bảo cho phát triển bền vững DL. Ngành DL cần xây dựng hoàn thiện kế hoạch chiến lược bảo vệ môi trường, bảo vệ TN cho các điểm DL; nâng cao hiệu lực quản lý môi trường, TN; duy trì chính sách, phát huy hiệu lực pháp luật bảo tồn, tôn tạo TN; nâng cao nhận thức, ý thức và trách nhiệm cho các cấp quản lý địa phương, ngành, các doanh nghiệp kinh doanh, dân cư địa phương về bảo vệ môi trường và những giá trị TN, đảm bảo phát triển bền vững DL.

4.2. Định hướng cụ thể

- Đối với những điểm TN được đánh giá rất thuận lợi: khu Trường An, khu trang trại Vinh Sang; khu tưởng niệm Phạm Hùng; khu tưởng niệm Võ Văn Kiệt cần phát triển theo hướng chủ đạo, là: Kết hợp duy trì, bổ sung, nâng cao giá trị các vật thể, di tích hiện có;

đồng thời tạo mới, làm đa dạng các sản phẩm phục vụ DL; xác lập nâng cao vị thế thương hiệu cho các sản phẩm và đưa các sản phẩm đó vào hoạt động kinh doanh DL nhằm quảng bá hình ảnh địa phương trên thị trường trong nước và quốc tế.

- *Đối với những điểm TN được đánh giá khá thuận lợi*: điểm sinh thái Cai Cường; điểm sinh thái Mai Quốc Nam; điểm sinh thái Mai Vàng, khu di tích lịch sử cách mạng Cái Ngang; Văn Thánh Miếu; lăng Ông Thống chế Điều Bát; thánh tịnh Ngọc Sơn Quang; chùa Đông Phước, đình Tân Quới... cần có kế hoạch đầu tư, tu bổ nâng cao chất lượng sản phẩm hiện có; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm DL, chất lượng dịch vụ; cải tạo nâng cấp hệ thống CSHT- CSVCKT; nâng cao hiệu quả công tác an ninh, an toàn.

- *Đối với những điểm được đánh giá thuận lợi*: điểm sinh thái Mười Hường; điểm sinh thái Sáu Giáo... cần tăng cường đầu tư tu bổ, duy trì và làm tăng các giá trị vốn có; đa dạng hóa sản phẩm; cải tạo nâng cấp CSHT, CSVCKT, chất lượng dịch vụ; bổ sung nguồn nhân lực DL, thực hiện tốt bảo vệ và tôn tạo TN, đảm bảo phát triển bền vững DL.

- *Đối với tất cả điểm TN còn lại (ít thuận lợi và chưa đánh giá được)*: Cần triển khai kế hoạch xây dựng các hạng mục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án trong thời gian sớm nhất. Tập trung đầu tư tối đa cho việc đa dạng hóa các sản phẩm DL, nâng cấp CSHT-VCKT và hướng vào việc khai thác các TN độc đáo - phát triển các loại hình DL đặc trưng của mỗi điểm DL. Đặc biệt chú trọng việc bảo tồn, bảo vệ TN môi trường, duy trì hệ sinh thái (cả tự nhiên và nhân văn) cho phát triển tương lai.

5. Kết luận

Vĩnh Long không phải là điểm đến nổi trội so với các tỉnh ĐBSCL, bởi tỉnh không có nhiều TN đặc thù, nổi trội. Song cũng có một số lợi thế nhất định về TN để phát triển DL, nhất là các loại hình DL sinh thái, sông nước miệt vườn; DL lịch sử - văn hóa - tâm linh; DL nông nghiệp... Tuy nhiên, để khai thác hiệu quả TN phát triển DL, cần phải đánh giá đầy đủ, toàn diện để tìm ra những lợi thế và hạn chế của từng điểm nhằm phát triển loại hình phù hợp.

Kết quả đánh giá các điểm TN điển hình (15 điểm), những định hướng phát triển chung và cụ thể như trình bày ở trên sẽ là nền tảng quan trọng cho các nhà quản lý chính quyền địa phương và quản lý ngành tham khảo, sử dụng để xây dựng hệ thống các giải pháp thực hiện trong quá trình xây dựng các chính sách phát triển kinh tế, xã hội tỉnh và chiến lược đầu tư phát triển ngành DL trong quá trình hội nhập.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi**: Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Quản lí di tích ở các điểm di tích của tỉnh Vĩnh Long. (2016). *Báo cáo tình hình khách du lịch 2015*.
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (1991, 1996, 2012). *Quyết định số 0557 – QĐ ngày 25/3/1991; QĐ số 310/QĐ ngày 13/02/1996; QĐ số 2133/QĐ-BVHTTDL ngày 06/6/2012 về việc công nhận các di sản văn hóa, lịch sử cấp Quốc gia*.
- Hau, Phạm Xuan. (2017). The Development of Rural Tourism in Vietnam: Objectives, Practical Experiences and challenges, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Văn Hiến*.
- Phạm Trung Lương. (1998). *Cơ sở khoa học cho việc xác định các tuyến, điểm du lịch*. Hà Nội: NXB Hà Nội.
- Niên giám Thống kê. (2015). *Thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Long*. Vĩnh Long: NXB Vĩnh Long.
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Long. (2012). *Báo cáo quy hoạch phát triển ngành du lịch tỉnh Vĩnh Long 2011-2020*.
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Long. (2016). *Báo cáo tình hình hoạt động du lịch tỉnh Vĩnh Long 2010-2015*.
- Quý Thông, Phùng Sơn. (11/02/2016). Du lịch nông thôn Nhật Bản - điểm đến mới với khách du lịch Việt Nam, truy cập: <http://vtv.vn>.
- UBND tỉnh Vĩnh Long. (2009). *Quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 02/11/2009; Quyết định công nhận ngày 14/3/2008, về công nhận di tích lịch sử, văn hóa cấp Tỉnh*.